TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2018.
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Giang.

Các hội thâm nhân dân: 1/ Bà Lương Thị Bông.

2/ Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa:Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15tháng 8 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên. Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lường Thị T - sinh năm 1984.

HKTT: Thôn PH, xã PĐ, huyện Đ, Thái Nguyên.

Nơi ở: Thôn ĐK, xã PĐ, huyện Đ, Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Tiêu Văn T1 - Sinh năm 1983.

HKTT: Thôn PH, xã PĐ, huyện Đ, Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Tiêu Văn T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/01/2006 tại UBND xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn, anh T1 vào miền Nam làm công nhân, chỉ đến tết âm lịch anh T1 mới về nhà, anh T1 không quan tâm gì đến vợ con, thỉnh thoảng anh T1 gửi tiền về để nuôi con. Sau đó chị còn phát hiện ra anh T1 là người đồng tính, có quan hệ yêu đương với người đàn ông khác. Chị nhắc nhở, khuyên can thì anh T1 chửi

bới, đánh đập, xúc phạm chị nhiều lần, ngoài ra còn nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, để hạn chế mâu thuẫn nên đến tháng 6 năm 2017 anh chị sống ly thân. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên cương quyết đề nghị được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh T1 có 02 con chung là Tiêu Anh T – Sinh ngày 23/10/2007 và Tiêu Anh Th – Sinh ngày 04/3/2016. Chị T đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Tiêu Anh Th cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; Giao con chung là Tiêu Anh T cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chị T không đề nghị anh T đóng góp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay chị T đang làm công nhân tại Công ty TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM THÁI NGUYÊN tại thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, thu nhập bình quân từ 8 triệu đồng đến 10 triệu đồng/ 1 tháng. Chị đang sống tại nhà bố mẹ đẻ và có sự hỗ trợ của bố mẹ trong việc chăm sóc con.

- Về tài sản, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tiêu Văn T1 trình bày lời khai và các yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 đồng ý lời khai của chị T về thời gian kết hôn, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/01/2006 tại UBND xã PĐ, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, kiếm sống, còn chị T ở nhà cùng với bố mẹ đẻ của anh thôn PH, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Từ khi kết hôn đến nay, anh chị chỉ chung sống thực tế khoảng 01 năm, vì anh phải đi làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ có tết âm lịch hàng năm là anh về nhà, con cái ở nhà do chị T nuôi dưỡng, anh gửi tiền về cho chị T nuôi con. Trong thời gian anh đi làm, chị T ở nhà quan hệ ngoại tình với nhiều người đàn ông, anh đã bỏ qua cho chị T nhưng chị T vẫn không thay đổi, do vậy giữa anh chị đã nhiều lần xảy ra cãi cọ, xúc phạm đến nhau, có lần do nóng giận nên anh có đánh chị T. Đến tháng 6/2017, anh chị chính thức sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh xác định vợ chồng không còn yêu thương nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh T1 xác định giữa anh và chị T có 02 con chung là Tiêu Anh T – Sinh ngày 23/10/2007 và Tiêu Anh Th – Sinh ngày 04/3/2016. Anh T1 đề nghị giao cả hai con chung là cháu Tiêu Anh T và Tiêu Anh Th cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T1 không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 hiện chung sống cùng bố mẹ đẻ, làm nghề tự do, thu nhập khoảng từ 6 đến 7 triệu đồng/ 1 tháng. Anh đang sống cùng bố mẹ đẻ và được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị T và anh T1 đoàn tụ. Tại phiên hòa giải chị T cương quyết xin ly hôn với anh T1, anh T1 đã thuận tình ly hôn với chị T. Đồng thời chị T và anh T1 đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án về việc nuôi con chung, theo thỏa thuận anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung chị T

và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Sau buổi hòa giải, chị T đã có văn bản gửi đến Tòa án thay đổi quan điểm của mình về việc chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Tiêu Anh Th – Sinh ngày 04/3/2016, không yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T1. Xin được nuôi con chung là Tiêu Anh Th – Sinh ngày 04/3/2016, không yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Tiêu Anh T – Sinh ngày 23/10/2007 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh T1 đã không yêu cầu chị phải cấp dưỡng, do vậy chị đồng ý với quan điểm của anh T1. Về tài sản chung, chị T khai anh chị có 01 nhà xây cấp 4, 02 xe máy và vật dụng sinh hoạt gia đình, nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lường Thị T và anh Tiêu Văn T1; Về con chung: Giao cháu Tiêu Anh Tuấn, sinh ngày 23/10/2007 cho anh Tiệp trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Tiêu Anh Th, sinh ngày 04/3/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Tiêu Văn T1, vì chị T và anh T1 không yêu cầu.

Về tài sản, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có Hộ khẩu thường trú tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 - Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Tiêu Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyên, đăng ký kết hôn ngày 04/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc dù kết hôn đã lâu, nhưng thời gian chung sống với nhau không nhiều, nên giữa chị T và anh T1 không thấu hiểu, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, cả hai luôn nghi ngờ nhau có những mối quan hệ tình cảm với người khác. Do vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn, xúc phạm lẫn nhau, đôi khi còn xảy ra xô sát. Vợ chồng không có giải pháp dung hòa, giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ và chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Quá trình giải quyết, hòa giải tại Tòa án, chị T và anh T1 đã thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức và các quy định của pháp luật. Do vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1.

- Về con chung: Chị Lường Thị T và anh Tiêu Văn T1 có 02 con chung là Tiêu Anh T – Sinh ngày 23/10/2007 và Tiêu Anh Th – Sinh ngày 04/3/2016. Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dương con chung là Tiêu Anh Th. Anh T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Tiêu Anh T và Tiêu Anh Th.

Xét thấy, nguyện vong được nuôi con chung của chị T và anh T1 là hoàn toàn chính đáng

Khi ly hôn, cần giao con chung của anh chị cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cần phải xem xét đến điều kiện nuôi dưỡng của cả hai anh chị, đồng thời phải bảo đảm cho con chung của anh chị phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần.Cả chị T và anh T1 đều đang ở tuổi lao động, có sức khỏe, có thu nhập. Nếu giao cả 02 con chung của anh chị cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, sẽ gây không ít kho khăn cho chính anh T1 và cũng không bảo đảm điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giá dục 02 con chung của anh chị một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, tính đến ngày xét xử con chung của anh chị là cháu Tiêu Anh Th – Sinh ngày 04/3/2016 mới có 2 năm, 05 tháng, 11 ngày tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì *" Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi,trừ trưởng hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*.

Do vậy, cần giao con chung của anh, chị là cháu Tiêu Anh T – Sinh ngày 23/10/2007 cho anh Tiêu Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T (con trên 7 tuổi). Giao cháu Tiêu Anh Th – Sinh ngày 04/3/2016 cho chị Lường Thị T là phù hợp và đúng pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T1 đều không yêu cầu phải đóng góp tiền nuôi con chung. Do đó, HĐXX không xem xét.

Chị T, anh T1 đều có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản, vay nợ chung: Chị T và anh, không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

- Về án phí :Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 55, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lường Thị T và anh Tiêu Văn T1.

2. Về con chung: Chị Lường Thị T và anh Tiêu Văn T1 có 02 con chung là Tiêu Anh T – Sinh ngày 23/10/2007 và Tiêu Anh Th – Sinh ngày 04/3/2016.

Giao cho chị Lường Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tiêu Anh Th– Sinh ngày 04/3/2016. Giao cho Tiêu Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tiêu Anh T– Sinh ngày 23/10/2007.Việc nuôi con chung của chị T và anh T1 được thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp nuôi dưỡng con chung đối với chị Lường Thị T và anh Tiêu Văn T1 cho đến khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Lường Thị T phải nộp 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa theo biên lai thu số 0018077, ngày 16/4/2018.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnhTN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã PĐ;
- Các đương sự;
- lưu HS.

Hoàng Văn Giang